

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-3-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phan Thị Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu Xóm C, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. *Có đơn xin xét xử vắng mặt*

Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu Xóm C, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2021, tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị N kết hôn năm 1981 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, ông C và bà N về chung sống tại khu 9 (nay là khu C), xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không quan tâm đến nhau. Năm 1988, ông đã bỏ đi làm ăn và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay ông C xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông C xin ly hôn bà N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông C và bà N có 01 con chung là anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983. Hiện nay, anh N đã thành niên, lao động tự túc được. Vì vậy, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Ông C không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai ngày 25/11/2021 bị đơn là bà Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông C kết hôn năm 1981 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ, sau đó làm nhà ra ở riêng. Vợ chồng chung sống đến năm 1992 thì ông C bỏ đi, không quan tâm đến nhau. Nay ông C xin ly hôn, quan điểm của bà N là không nhất trí ly hôn vì con chung của vợ chồng vẫn chưa lập gia đình.

Về con chung: Bà và ông C có 01 con chung là anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983. Hiện nay, anh N đã thành niên, có khả năng lao động tự túc nhưng chưa lập gia đình, đang ở cùng nhà với bà.

Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức: Bà N đề nghị Tòa án buộc ông C phải thanh toán cho bà N số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) là công sức bà N nuôi con một mình từ khoảng thời gian bà nuôi con một mình khi vợ chồng sống ly thân.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật. Bà N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do

C đáng là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Nguyễn Văn C được ly hôn bà Trần Thị N.

Về con chung; tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông C là người cao tuổi nhưng không có đơn đề nghị miễn án phí, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng bà N vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra giải quyết, xét xử vắng mặt bà N là thực hiện đúng quy định của pháp luật. Trong khi đó, ông C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị N là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Về nội dung vụ án.*

2.1. *Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C xin được ly hôn bà Trần Thị N thấy rằng:* Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ xác nhận kết hôn năm 1981; vì vậy, đó là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương xã Phụng Vĩ cũng như lời trình bày của các bên đương sự thể hiện: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông C, bà N đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không quan tâm đến nhau. Ông C, bà N đã ly thân một thời gian rất dài từ khoảng những năm 1988 đến nay.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông C, bà N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C đối với bà N, cho ông C được ly hôn bà N để ổn định cuộc sống.

2.2. *Về con chung*: Ông C và bà N có 01 con chung là anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983.

Xét thấy anh Nguyễn Văn N đã thành niên, có khả năng lao động tự túc, các bên đương sự đều không đề nghị giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản*: Ông C và bà N không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. *Về công sức*: Bà N đề nghị Tòa án buộc ông C phải thanh toán cho bà N số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) là công sức bà N nuôi con một mình trong thời gian vợ chồng sống ly thân thấy rằng: Trách nhiệm nuôi con là nghĩa vụ chung của cha mẹ và Tòa án chỉ giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ khi vợ chồng đề nghị giải quyết việc ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu của bà N về việc thanh toán số tiền này đối với ông C.

[3]. *Về án phí*: Ông C là người cao tuổi nhưng không có đơn đề nghị miễn án phí, nên ông C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn C được ly hôn bà Trần Thị N.

2. Về con chung, tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007721 ngày 23/11/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Ông C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông C và bà N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

Nguyễn Hán Hưởng